TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2019
V/v tranh chấp HNGĐ về ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Dũng,

2. Bà Trần Thị Lãm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Thùy O**, sinh năm: X. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh, (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Võ Văn T**, sinh năm: X. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08-5-2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phan Thị Thùy O trình bày:

Chị và anh T tự tìm hiểu sống chung với nhau vào năm 1994, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, anh T

không có công việc ổn định, không lo làm ăn, kinh tế chính trong gia đình do một mình chị lo. Anh T còn thường xuyên nghi ngờ tình cảm, đánh đập và có những lời lẽ xúc phạm chị nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau. Vợ chồng ly thân nhiều lần, lần gần nhất từ tháng 1-2019 đến nay, nhưng không hàn gắn được. Xét thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung tên Võ Thanh D, sinh ngày XXX và Võ Sông H, sinh ngày XXX. Cháu D đã thành niên nên chị không yêu cầu gì. Chị yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung.

Bị đơn anh Võ Văn T đã khai:

Về cơ sở hôn nhân, thời gian chung sống như lời trình bày của chị O. Anh và chị O sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày. Do anh không có việc làm ổn định nên kinh tế chính trong gia đình do chị O lo liệu, đôi khi anh và chị O gây gỗ cãi vã nhau do không tin tưởng nhau, và bất đồng quan điểm trong cách cư xử hàng ngày nên anh có chửi mắn chị O. Anh yêu cầu được hòa giải đoàn tụ, nhưng sau một thời gian anh cũng không có biện pháp khắc phục được tình trạng mâu thuẫn giữa anh và chị O. Nhưng anh vẫn còn tình cảm, yêu thương chị O, anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu được hàn gắn đoàn tụ.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị O. Nếu phải ly hôn anh đồng ý giao cháu Võ Sông H, sinh ngày XXX cho chị O nuôi dưỡng, giáo dục. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị O không có nợ chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tống đạt văn bản tố tụng và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T là đúng theo quy định.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ các Điều 56, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Thùy O đối với anh Võ Văn T. Chị O được ly hôn với anh T.

Về con chung: Giao cháu Võ Sông H, sinh ngày XXX cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị O không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị O và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phan Thị Thúy O phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Võ Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Về hôn nhân: Chị O và anh T chung sống với nhau vào năm 1994, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị O và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chung sống không hạnh phúc, do anh T không có việc làm ổn định, không lo cho kinh tế của gia đình, nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau. Anh T đã nhiều lần xúc phạm, chửi mắn, xua đuổi chị O. Ngược lại chị O cũng có những cư xử không tốt đối với gia đình và anh T. Mâu thuẫn giữa chị O và anh T ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn và không có biện pháp khắc phục. Do đó, thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị O đối với anh T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị O và anh T có hai con chung tên Võ Thanh D, sinh ngày XXX và Võ Sông H, sinh ngày XXX. Cháu D đã thành niên, chị O và anh T không yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết. Chị O và anh T cũng thống nhất khi ly hôn, giao cháu Võ Sông H cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Mặt khác cháu H cũng có nguyện vọng sống với chị O, nên giao cháu H cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, ghi nhận chị O không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền thăm nom con chung theo qui định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị O và anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phan Thị Thùy O phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Thùy O đối với anh Võ Văn T. Chị O được ly hôn với anh T.

2.Về con chung: Giao con chung tên Võ Sông H, sinh ngày XXX cho chị O tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị O không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị O và anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4.Về án phí: Chị Phan Thị Thùy O phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị O đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0021881 ngày 08-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Võ Văn T không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: chị Phan Thị Thùy O có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Võ Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi anh T cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã T;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Hoài Tâm